

TOÀ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày 15-4-2025

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện;

Ông Nguyễn Khắc Quyết;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (viết tắt là A1); địa chỉ trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị T - Phó Giám đốc A2 chi nhánh Đ1, thành phố Hải Phòng; Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01-12-2022 của ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của A2 cho ông Trịnh Ngọc L - Giám đốc A2 chi nhánh Đ1, thành phố Hải Phòng và Giấy ủy quyền số 156/UQ-NHNo.ĐS ngày 22-11-2024 của ông Trịnh Ngọc L cho bà Đinh Thị T - Phó Giám đốc A2 chi nhánh Đ1, thành phố Hải Phòng; bà T có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2); địa chỉ trụ sở: Số B lô B L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Đ - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng N (viết tắt là A1) với Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) đã thỏa thuận và ký Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020, được giải ngân theo Giấy nhận nợ số 2122LDS-202000511 ngày 16-7-2020 số tiền 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng chẵn) và Giấy nhận nợ số 2122LDS-202000516 ngày 20-7-2020 số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng chẵn), tổng số tiền vay là 8.000.000.000đ (Tám tỷ đồng chẵn); mục đích vay: Đầu tư mua tàu Đại Nghĩa 09 để kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường biển; thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay; Đến hạn theo phân kỳ; phương thức giải ngân: Thông qua hình thức tiền mặt và/hoặc chuyển tiền vào tài khoản do Khách hàng chỉ định phù hợp với quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật; kỳ hạn trả nợ gốc: 03 tháng/lần. Trường hợp chưa xác định được kỳ hạn trả nợ cho từng lần nhận nợ, hết thời hạn giải ngân Ngân hàng và khách hàng lập lịch trả nợ gốc khớp đúng với thực tế giải ngân vốn vay. Lịch trả nợ gốc theo quy định tại khoản này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này; kỳ hạn trả nợ lãi: khách hàng trả lãi trên dư nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày đến hạn trả nợ lãi sau, ngày đến hạn trả nợ lãi là ngày 25 hàng tháng. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 10%/năm (lãi suất tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất sẽ được điều chỉnh trên cơ sở lãi suất quy định của A2 chi nhánh Đ1, Hải Phòng tùy từng thời kỳ, khi lãi suất của A2 chi nhánh Đ1 thay đổi, A2 chủ động điều chỉnh lãi suất và thông báo cho khách hàng để hai bên cùng thực hiện. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn bằng 10%/năm. Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên. Đối với Hợp đồng này Công ty T2 đã quá hạn từ ngày 04-11-2023 và tính đến ngày 15-4-2025 mới trả được nợ gốc 3.540.000.000đồng, nợ lãi 2.053.576.924đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty T2 đã thế chấp tài sản là:

Tàu chở hàng tổng hợp ĐẠI NGHĨA 09; Hô hiệu/Số IMO: 3WHK/8989903; Số đăng ký: HP-GEN-001113-3; Ngày đăng ký: 03-7-2020; Ngày cấp GCN đăng ký: 03-7-2020; Vùng hoạt động: Vùng biển Việt Nam, hoạt động cách bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 200 hải lý; Năm đóng: 2004, hoán cải 2007; Nơi đóng: Việt Nam, hoán cải Việt Nam; Vật liệu vỏ tàu: Thép; trọng tải toàn phần: 3.194,7 tấn (Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-GEN-001113-3 do C tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-07-2020 mang tên chủ sở hữu là công ty TNHH T2) được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 241.2020/HĐTC

ngày 08-7-2020 Công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Hải Phòng, địa chỉ: Số D T, quận N, thành phố Hải Phòng Số Công chứng 2988/2020; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08-7-2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại C tại thành phố Hải Phòng ngày 08-7-2020. A2 đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc, đơn đốc Công ty T2 trả nợ cho Ngân hàng nhưng Công ty T2 cố tình chây ì, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do Công ty T2 đã vi phạm thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên A2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T2 phải trả cho A2 số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15-4-2025 là 5.260.273.630 đồng trong đó nợ gốc là 4.550.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 605.212.329 đồng; nợ lãi quá hạn là 105.061.301 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16-4-2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên A2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là:

Tàu chở hàng tổng hợp ĐẠI NGHĨA 09; Hô hiệu/Số IMO: 3WHK/8989903; Số đăng ký: HP-GEN-001113-3; Ngày đăng ký: 03-7-2020; Ngày cấp GCN đăng ký: 03-7-2020; Vùng hoạt động: Vùng biển Việt Nam, hoạt động cách bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 200 hải lý; Năm đóng: 2004, hoán cải 2007; Nơi đóng: Việt Nam, hoán cải Việt Nam; Vật liệu vỏ tàu: Thép; trọng tải toàn phần: 3.194,7 tấn (Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-GEN-001113-3 do C tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-07-2020 mang tên chủ sở hữu là công ty TNHH T2) được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 241.2020/HĐTC ngày 08-7-2020 Công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Hải Phòng, địa chỉ: Số D T, quận N, thành phố Hải Phòng Số Công chứng 2988/2020; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08-7-2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại C tại thành phố Hải Phòng ngày 08-7-2020.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa mở lần thứ hai nên không lấy được ý kiến của bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại

phiên tòa và lời khai của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 280, 295, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103, 107 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty T2 phải trả cho A2 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-4-2025 là: 5.260.273.630 đồng trong đó nợ gốc là 4.550.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 605.212.329 đồng; nợ lãi quá hạn là 105.061.301 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16-4-2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên A2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại tài sản bảo đảm là: Tàu chở hàng tổng hợp ĐẠI NGHĨA 09; Hô hiệu/Số IMO: 3WHK/8989903; Số đăng ký: HP-GEN-001113-3; Ngày đăng ký: 03-7-2020; Ngày cấp GCN đăng ký: 03-7-2020; Vùng hoạt động: Vùng biển Việt Nam, hoạt động cách bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 200 hải lý; Năm đóng: 2004, hoán cải 2007; Nơi đóng: Việt Nam, hoán cải Việt Nam; Vật liệu vỏ tàu: Thép; trọng tải toàn phần: 3.194,7 tấn (Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-GEN-001113-3 do C tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-07-2020 mang tên chủ sở hữu là công ty TNHH T2) được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 241.2020/HĐTC ngày 08-7-2020 Công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Hải Phòng, địa chỉ: Số D T, quận N, thành phố Hải Phòng Số Công chứng 2988/2020; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08-7-2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại C tại thành phố Hải Phòng ngày 08-7-2020. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản mà còn thừa thì trả lại cho Công ty T2; trường hợp việc phát mại tài sản mà không đủ trả nợ cho A2 thì Công ty T2 phải có nghĩa vụ thanh toán đủ cho A2 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Công ty T2 phải nộp 113.260.274 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, mục đích vay đầu tư mua tàu Đại Nghĩa 09 để kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường biển nên xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự là vụ án kinh doanh, thương mại. Tại khoản 10.2 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 hai bên thỏa thuận: *“Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của Ngân hàng”*. Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 được ký tại trụ sở Ngân hàng A2 chi nhánh Đ1, địa chỉ: Số A N, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng nên theo điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Công ty T2 vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai mà không vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty T2.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Công ty T2 phải trả cho A2 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-4-2025 là 5.260.273.630 đồng trong đó nợ gốc là 4.550.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 605.212.329 đồng; nợ lãi quá hạn là 105.061.301 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 thấy:

[3.1.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng và Công ty T2 có quan hệ Hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng đã ký với Công ty T2 Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn cho bên vay theo các giấy nhận nợ số 2122LDS-202000511 ngày 16-7-2020 và Giấy nhận nợ số 2122LDS-202000516 ngày 20-7-2020. Nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ từ thời điểm ngày 04-11 -2023 cho đến nay. Ngân hàng đã có các văn bản đôn đốc trả nợ

nhiều lần nhưng không có kết quả. Tính đến ngày 15-4-2025 Công ty T2 còn nợ Ngân hàng số tiền là: 5.260.273.630đồng trong đó nợ gốc là 4.550.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 605.212.329đồng; nợ lãi quá hạn là 105.061.301đồng.

[3.1.2] Xét Hợp đồng tín dụng được ký giữa Công ty T2 và đại diện của Ngân hàng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 4, 7, 10, 12, 30, 31 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng.

[3.1.3] Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân và Công ty T2 đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng; Công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04-11-2023 cho đến nay mặc dù đã bị Ngân hàng Đ2 trả nợ nhiều lần và bằng nhiều hình thức nhưng vẫn chây ì không trả. Như vậy đủ cơ sở kết luận bị đơn đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn nên việc Ngân hàng kiện yêu cầu Công ty T2 phải thanh toán số tiền nợ gốc là 5.260.273.630đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 là có căn cứ được chấp nhận.

[3.1.4] Xét yêu cầu đòi nợ lãi trong hạn: Căn cứ vào bảng tính lãi và các văn bản về lãi suất A2 cung cấp và theo sự thỏa thuận của các bên tại mục 3.1 Điều 3 và điểm 5.2.1 mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu đòi nợ lãi trong hạn của Ngân hàng có căn cứ được chấp nhận. Cụ thể tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 15-4-2025 là 605.212.329đồng.

[3.1.5] Xét yêu cầu đòi nợ lãi quá hạn: Theo quy định tại mục 3.2 Điều 3 và điểm 5.2.2 mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp

luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên yêu cầu đòi nợ lãi quá hạn có căn cứ được chấp nhận. Cụ thể tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 15-4-2025 là 105.061.301đồng.

[3.1.6] Đối với tiền nợ lãi chậm trả lãi: Theo quy định tại mục 3.3 Điều 3 và điểm 5.2.3 mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 hai bên thỏa thuận lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên Ngân hàng tự nguyện không tính nợ lãi chậm trả lãi đối với bị đơn để tạo điều kiện cho bị đơn thuận lợi hơn trong việc trả nợ. Xét đây là sự tự nguyện của Ngân hàng, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho khách hàng nên được chấp nhận.

[3.1.7] Từ những nhận định trên, đủ căn cứ xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15-4-2025) Công ty T2 còn nợ A2 tổng số tiền là 5.260.273.630đồng trong đó nợ gốc là 4.550.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 605.212.329đồng; nợ lãi quá hạn là 105.061.301đồng.

[3.1.8] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng A2 đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng, Công ty T2 đã ký với A2 Hợp đồng thế chấp tài sản số 241.2020/HĐTC ngày 08-7-2020 Công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Hải Phòng, địa chỉ: Số D T, quận N, thành phố Hải Phòng Số Công chứng 2988/2020; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08-7-2020 với nội dung thế chấp tài sản là T1 chở hàng tổng hợp ĐẠI NGHĨA 09; Hô hiệu/Số IMO: 3WHK/8989903; Số đăng ký: HP-GEN-001113-3; Ngày đăng ký: 03-7-2020; Ngày cấp GCN đăng ký: 03-7-2020; Vùng hoạt động: Vùng biển Việt Nam, hoạt động cách bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 200 hải lý; Năm đóng: 2004, hoán cải 2007; Nơi đóng: Việt Nam, hoán cải Việt Nam; Vật liệu vỏ tàu: Thép; trọng tải toàn phần: 3.194,7 tấn (Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-GEN-001113-3 do C tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-07-2020 mang tên chủ sở hữu là công ty TNHH T2).

Việc thế chấp tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển tại C tại thành phố Hải Phòng ngày 08-7-2020 theo đúng quy định của pháp luật. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy

định của pháp luật, được chứng thực của Văn phòng C1, thành phố Hải Phòng, số Công chứng 2988/2020; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08-7-2020 và Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển tại C tại thành phố Hải Phòng ngày 08-7-2020 là phù hợp với quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10, điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; mục 6 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên có hiệu lực và là căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện. Tại Công văn số 547/CCHP-NVHH ngày 19-12-2024 C tại thành phố Hải Phòng cung cấp: “*Tàu ĐẠI NGHĨA 09; Hồ hiệu/Số IMO: 3WHK/8989903 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T2, địa chỉ số B lô B L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số: HP-GEN-001113-3 do C tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-7-2020. Hiện tại tàu Đại Nghĩa 09 đang đăng ký thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh Đ1, Hải Phòng và đã được đăng ký vào sổ đăng ký tàu biển Quốc gia tại Chi cục theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm số 63/DKTC.HP/2020, cấp ngày 08-7-2020, tính đến 16h00p ngày 19-12-2024 tàu Đại Nghĩa 09 vẫn thuộc sở hữu của Công ty TNHH T2 và không thay đổi về ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu Đại Nghĩa 09*”. Tại Công văn số 2963/CVHHHP-TTTT ngày 24-12-2024 và Công văn số 159/CVHHHP-TTTT ngày 21-01-2025 Cảng vụ Hàng hải H cung cấp: “*Tàu ĐẠI NGHĨA 09; Hồ hiệu/Số IMO: 3WHK/8989903; Trọng tải toàn phần: 3.194,7 tấn; Số đăng ký: HP-GEN-001113-3; Ngày cấp GCN đăng ký: 03-7-2020 làm thủ tục vào khu vực Cảng biển H ngày 03-01-2021, rời khu vực cảng biển H ngày 06-01-2021 để hành trình đi Quảng Ninh. Từ thời điểm đó đến nay, không có thông tin tàu Đại Nghĩa 09 làm thủ tục vào, rời khu vực vùng nước Cảng biển do Cảng vụ H quản lý. Đến thời điểm hiện tại, qua kiểm tra, xác minh Cảng vụ H không có các thông tin liên quan đến tàu Đại Nghĩa 09*”. Tại Công văn số 120/CVHHQN-TTTT ngày 20-02-2025 Cảng vụ Hàng hải Q cung cấp: “*Thời điểm hiện tại, tàu Đại Nghĩa 09 không hoạt động tại vùng nước C biển Quảng Ninh. Cảng vụ Hàng hải Q không biết hiện nay tàu Đại Nghĩa 09 đang hoạt động tại vùng biển nào, có còn hoạt động hay không*”. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17-02-2025 thể hiện nội dung: Khi xem xét thẩm định tại chỗ không tìm thấy tàu chở hàng Đại Nghĩa 09 tại Cảng vụ Hàng hải H, Ngân hàng cũng không biết hiện nay tàu Đại Nghĩa 09 đang ở đâu. Hợp đồng tín dụng tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Hợp đồng thế chấp tàu biển được ký kết, công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đúng quy định của pháp luật nên việc không xác định được tàu Đại Nghĩa 09 là tài sản thế chấp đang ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu Hợp đồng tín

dụng và Hợp đồng thế chấp, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì A2 vẫn có quyền yêu cầu phát mại tài sản là tàu biển Đại Nghĩa 09 này theo hướng dẫn tại mục 11 Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03-10-2023 giải đáp vướng mắc của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên A2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại tài sản bảo đảm như trên để thu hồi nợ là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 116, 117, 118, 119, 280, 295, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103, 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (viết tắt là A2):

1.1 Buộc Công ty TNHH T2 Đức Quang A phải trả cho Ngân hàng A2 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15-4-2025 là 5.260.273.630 đồng trong đó nợ gốc là 4.550.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm năm mươi triệu) đồng; nợ lãi trong hạn là 605.212.329đ (Sáu trăm linh năm triệu hai trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng; nợ lãi quá hạn là 105.061.301đ (Một trăm linh năm triệu không

trăm sáu mươi một nghìn ba trăm linh một) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, A2 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại tài sản bảo đảm là: Tàu chở hàng tổng hợp ĐẠI NGHĨA 09; Hô hiệu/Số IMO: 3WHK/8989903; Số đăng ký: HP-GEN-001113-3; Ngày đăng ký: 03-7-2020; Ngày cấp GCN đăng ký: 03-7-2020; Vùng hoạt động: Vùng biển Việt Nam, hoạt động cách bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 200 hải lý; Năm đóng: 2004, hoán cải 2007; Nơi đóng: Việt Nam, hoán cải Việt Nam; Vật liệu vỏ tàu: Thép; trọng tải toàn phần: 3.194,7 tấn (Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-GEN-001113-3 do C tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-07-2020 mang tên chủ sở hữu là công ty TNHH T2) được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 241.2020/HĐTC ngày 08-7-2020 Công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Hải Phòng, địa chỉ: Số D T, quận N, thành phố Hải Phòng Số Công chứng 2988/2020; Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08-7-2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại C tại thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm số 63/ĐKTC.HP/2020, cấp ngày 08-7-2020.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A2 thì Công ty TNHH T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2122-LAV-202000318 ngày 14-7-2020.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho A2 vẫn còn thừa thì Ngân hàng A2 có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH T2.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH T2 phải nộp số tiền 113.260.274đ (Một trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi tư) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho A2 số tiền 56.529.310đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006653 ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Lưu: HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương

